TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đời.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Quốc Toàn.
Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện kiểm sát viên nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Thu Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Phan Minh T, sinh năm 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2019, các văn bản kèm theo nguyên đơn bà Trịnh Thu Đ trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2001, bà và ông Phan Minh T chung sống với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/02/2007. Trong quá trình chung sống, bà và

ông Phan Minh T xảy ra mâu thuẫn, do ông Phan Minh T không lo làm ăn kinh tế, bà và ông T không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 2019 đến nay, do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông Phan Minh T.

Về con chung: Bà và ông T có một người con chung là Phan Thị Anh Th (giới tính nữ), sinh ngày 12/3/2002, hiện Phan Thị Anh Th đang sống chung với bà. Nay bà yêu cầu giao Phan Thị Anh Th cho bà tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự và nợ chung: Không có.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 25 tháng 11 năm 2019, bà Trịnh Thu Đ yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà, do bà bận công việc phải đi làm xa nên không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ông Phan Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng vụ án, nhưng đều vắng mặt không lý do, không cung cấp lời khai và chứng cứ cho Tòa án.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trịnh Thu Đ ly hôn ông Phan Minh T; Về con chung, giao Phan Thị Anh Th (giới tính nữ), sinh ngày 12/3/2002 cho bà Trịnh Thu Đ chịu trách nhiệm nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trịnh Thu Đ yêu cầu ly hôn ông Phan Minh T và yêu cầu nuôi con là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trịnh Thu Đ có đơn yêu cầu vắng mặt, không tham gia phiên tòa, ông Phan Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Trịnh Thu Đ và ông Phan Minh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2001, bà Trịnh Thu Đ và ông Phan Minh T chung sống với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm

quyền, nên quan hệ hôn nhân của bà Đ và ông T là hợp pháp. Bà Đ và ông T đã xảy ra mâu thuẫn gay gắt kéo dài cho đến nay mà không thể hòa giải hàn gắn, không thể đoàn tụ và đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Ông T không có ý kiến phản bác hay phản tố yêu cầu ly hôn của bà Đ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Đ và ông T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng kéo dài mà không thể hòa giải đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó không nên kéo dài quan hệ hôn nhân. Nay xét chấp nhận yêu cầu của bà Đ, cho bà Đ ly hôn ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Đ yêu cầu tiếp tục nuôi Phan Thị Anh Th, đồng thời Phan Thị Anh Th có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ, ông T không có yêu cầu, cũng không phản đối. Do đó, xét giao Phan Thị Anh Th cho bà Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Trịnh Thu Đ tự nguyện không yêu cầu ông Phan Minh T cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Thu Đ phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trịnh Thu Đ ly hôn ông Phan Minh T.

2. Về con chung: Giao Phan Thị Anh Th (giới tính nữ), sinh ngày 12/3/2002 cho bà Trịnh Thu Đ chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận tự nguyện của bà Trịnh Thu Đ về việc không yêu cầu ông Phan Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Thu Đ phải chịu 300.000 đồng, bà Trịnh Thu Đ đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019264 ngày 02/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay đối trừ và chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Đời